

Phát triển lý luận của Đảng về mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Vũ Văn Phúc¹

¹ Hội đồng Khoa học các cơ quan Đảng Trung ương.
Email: phuc.tbt.tccs@gmail.com

Nhận ngày 4 tháng 4 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 5 năm 2020.

Tóm tắt: Quá độ lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) từ nền kinh tế còn kém phát triển, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là con đường mới, chưa có tiền lệ. Điều đó đòi hỏi Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhân dân phải vừa làm, vừa tìm ra con đường riêng đi lên của dân tộc Việt Nam. Tổng kết những sáng tạo của Nhân dân trong thực tiễn, Đảng đề ra và lãnh đạo Nhân dân thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Qua gần 35 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đảng không ngừng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận. Lý luận về mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa (XHCN) và con đường đi lên CNXH của Việt Nam ngày càng sáng rõ hơn cả trên tổng thể và trên từng lĩnh vực của đời sống.

Từ khóa: Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam, lý luận, mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa.

Phân loại ngành: Chính trị học

Abstract: A transition to socialism, started from an underdeveloped economy and bypassing capitalism, is a new and unprecedented path. That requires the Communist Party and people of Vietnam to both work on it and find the nation's own way to advance. Studying and based on the people's creative actions in practice, the Party has initiated and been leading them in conducting a comprehensive renovation of the country. After nearly 35 years of the renovation, the country has made sizable achievements of historic significance. The Party incessantly sums up the practical experiences and conducts theoretical research. The theory on the model of the socialist society and the path to socialism of Vietnam has been increasingly clearer both from the overall perspective and in each area of life.

Keywords: Path to socialism, Communist Party of Vietnam, theory, model of the socialist society.

Subject classification: Political science

1. Đặt vấn đề

Sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay đòi hỏi lý luận về thời kỳ quá độ lên CNXH cần phải được nghiên cứu, nhận thức sâu sắc hơn nhằm khẳng định những giá trị tốt đẹp, đồng thời bổ sung, phát triển phù hợp với tình hình mới. Bài viết tập trung phân tích quá trình hình thành đường lối đổi mới (trước Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI) cũng là quá trình hình thành lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về mô hình XHCN và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam; bổ sung hoàn thiện, phát triển đường lối đổi mới. Qua đó khái quát những thành tựu lý luận của Đảng về mô hình XHCN và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam qua gần 35 năm đổi mới.

2. Quá trình hình thành đường lối đổi mới (trước Đại hội VI) - quá trình hình thành lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Quá trình hình thành đường lối đổi mới của Đảng xuất phát từ những bước đột phá về đổi mới tư duy kinh tế trước khi hình thành đường lối đổi mới toàn diện tại Đại hội Đảng VI (năm 1986).

Phát hiện ra những hiện tượng “phá rào” trong đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, tổ chức nghiên cứu tổng kết các sáng kiến từ thực tiễn của Nhân dân, Hội nghị Trung ương 6 khóa IV (8-1979) đề ra chủ trương với quyết tâm làm cho sản xuất “bung ra”. Đây là bước đột phá đầu tiên của quá trình đổi mới ở Việt Nam. Hội nghị tập

trung vào các biện pháp nhằm khắc phục những yếu kém trong quản lý kinh tế và cải tạo XHCN; điều chỉnh những chủ trương, chính sách kinh tế, dỡ bỏ rào cản, mở đường cho sản xuất phát triển; khuyến khích sự chủ động, tích cực của người lao động... Trọng tâm là đẩy mạnh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, điều chỉnh một số chính sách kinh tế; cải tiến các chính sách lưu thông, phân phối; đổi mới việc xây dựng, thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kết hợp kế hoạch với thị trường; kết hợp ba lợi ích. Chấn chỉnh công tác tổ chức và chỉ đạo thực hiện.

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm thực tiễn “khoán chui” ở một số địa phương như Hải Phòng, Vĩnh Phúc... Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 100-CT/TW ngày 13 tháng 1 năm 1981 về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp. “Khoán 100” khởi đầu tư duy kinh tế mới, tạo động lực mạnh mẽ cho sản xuất nông nghiệp.

Trên lĩnh vực công nghiệp, đột phá trong tư duy là phát huy quyền tự chủ của các cơ sở trong sản xuất kinh doanh, tiến hành hạch toán trong kinh doanh, với chủ trương “ba phần kế hoạch” bước đầu được xác định theo Quyết định số 25-CP ngày 21 tháng 1 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về một số chủ trương và biện pháp nhằm phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh và Quyết định số 26-CP ngày 21 tháng 1 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng

hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh của Nhà nước.

Trên lĩnh vực cải tạo XHCN, vấn đề sử dụng nhiều thành phần kinh tế đã được đặt ra; lấy hiệu quả kinh tế làm căn cứ, tiêu chí để vận dụng linh hoạt các hình thức tổ chức sản xuất thích hợp; chính sách đối với kinh tế cá thể từng bước được điều chỉnh cho sát với thực tế hơn; nhấn mạnh chống tư tưởng nóng vội, chủ quan, duy ý chí, mệnh lệnh, làm ô ạt gây thiệt hại cho sản xuất và đời sống.

Có thể khẳng định: đổi mới tư duy, đặc biệt là đổi mới tư duy kinh tế là xuất phát điểm cho việc hình thành đường lối đổi mới của Đảng và những bước đột phá về tư duy kinh tế trong Nghị quyết Trung ương 6 khóa IV, trong Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư và trong các Quyết định 25-CP, 26-CP của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) là những ý tưởng ban đầu, tuy còn sơ khai, chưa cơ bản và toàn diện, nhưng là bước khởi đầu có ý nghĩa quan trọng. Tư tưởng nổi bật trong những tìm tòi đó là “giải phóng lực lượng sản xuất” trên cơ sở khắc phục những khuyết điểm trong quản lý kinh tế, trong cải tạo XHCN, tạo ra động lực cho sản xuất: chú ý kết hợp ba lợi ích, quan tâm hơn đến lợi ích kinh tế, lợi ích vật chất thiết thân của người lao động.

Trên cơ sở tổng kết những thành công và hạn chế bước đầu từ cuối nhiệm kỳ Đại hội Đảng IV về đổi mới tư duy, nhất là đổi mới tư duy kinh tế, triển khai trong thực tiễn những bước đổi mới đầu tiên, Ban Chấp hành Trung ương khóa IV chuẩn bị các văn kiện trình Đại hội Đảng V của Đảng. Đại hội V của Đảng (3-1982) đã đánh giá khách quan những thành tựu và hạn chế bước đầu đổi mới, từ đó đề ra một số chủ trương

đổi mới quan trọng. Đại hội V nêu lại tư tưởng về sự phân kỳ thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam với khái niệm “chặng đường đầu tiên”; xác định mục tiêu phấn đấu cho từng giai đoạn, cụ thể trong giai đoạn 1981-1985, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu hợp lý, xem đó là nội dung chính của công nghiệp hóa XHCN trong chặng đường trước mắt. Đại hội Đảng V còn khẳng định sự tồn tại trong một thời gian nhất định ở miền Nam năm thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể, công tư hợp doanh, cá thể, tư bản tư nhân)...

Trước những khó khăn về kinh tế và đời sống lúc bấy giờ, xuất hiện khuynh hướng muốn quay trở lại với quan niệm và cách làm cũ, Đảng ý thức rõ phải có một quyết sách chính trị: muốn tồn tại và đứng vững phải quyết tâm đổi mới. Trên tinh thần đó, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Hội nghị Trung ương 8) khóa V (6-1985) thông qua chủ trương dứt khoát xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, thực hiện cơ chế một giá; xóa bỏ chế độ cung cấp hiện vật theo giá thấp; chuyển mọi hoạt động sản xuất - kinh doanh sang cơ chế hạch toán kinh doanh XHCN; chuyển ngân hàng sang hoạt động theo nguyên tắc kinh doanh. Điểm quan trọng là Hội nghị Trung ương 8 khóa V thừa nhận sản xuất hàng hóa và những quy luật của sản xuất hàng hóa. Như vậy, Hội nghị Trung ương 8 khóa V được coi là bước đột phá thứ hai của quá trình hình thành đường lối đổi mới.

Trong quá trình chuẩn bị Dự thảo các văn kiện trình Đại hội Đảng VI, Bộ Chính trị khóa V đã xem xét kỹ các vấn đề lớn

trên lĩnh vực kinh tế, từ đó đưa ra kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm, đường lối kinh tế: (1) Trong bố trí cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, phải lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu; ra sức phát triển công nghiệp nhẹ; công nghiệp nặng được phát triển có chọn lọc; (2) Trong cải tạo XHCN, xác định cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ lên CNXH của Việt Nam; (3) Trong cơ chế quản lý kinh tế, lấy kế hoạch làm trung tâm, đồng thời sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa - tiền tệ, dứt khoát đoạn tuyệt với cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp; chính sách giá phải vận dụng quy luật giá trị, tiến tới thực hiện cơ chế một giá. Đây là bước đột phá thứ ba, có ý nghĩa lớn trong đổi mới tư duy lý luận về CNXH, đóng vai trò định hướng cho việc soạn thảo lại một cách căn bản Dự thảo các văn kiện trình Đại hội VI của Đảng. Căn cứ vào những kết luận có tính nguyên tắc nêu trên, Trung ương Đảng chỉ đạo chuẩn bị lại theo tinh thần đổi mới Dự thảo các văn kiện trình Đại hội VI của Đảng, để xin ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương khóa V.

Những đổi mới trong nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam trước Đại hội VI của Đảng là sự nhìn nhận, đánh giá đúng đắn hơn về tính khó khăn, phức tạp của con đường đi lên CNXH từ một nền kinh tế lạc hậu, sản xuất nhỏ là phổ biến; về bước đi và chặng đường phải trải qua; về sự cần thiết phải giải phóng mọi lực lượng sản xuất xã hội, về phát triển sản xuất hàng hóa; sự cần thiết phải thay đổi cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp; thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh XHCN; sự cần thiết phải tạo ra động lực mạnh mẽ cho người lao động - quan tâm đến lợi ích kinh tế, lợi ích vật chất thiết thân của người lao động.

3. Quá trình bổ sung, hoàn thiện, phát triển đường lối đổi mới (từ Đại hội Đảng VI đến nay) là quá trình phát triển lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3.1. Từng bước bổ sung, phát triển đường lối đổi mới là từng bước bổ sung, phát triển lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Việc đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn trong quá trình chuẩn bị dự thảo các văn kiện Đại hội VI của Đảng (12-1986) đã thảo luận và đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đánh dấu một bước ngoặt có ý nghĩa cách mạng trong sự nghiệp xây dựng CNXH của Việt Nam, tạo ra luồng sinh khí mới trong toàn xã hội, làm xoay chuyển tình hình, đưa đất nước vững bước tiến lên.

Với phương châm “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật” [2, tr. 346, 360], Đại hội Đảng VI đã phân tích sâu sắc những thành tựu và hạn chế, khuyết điểm, sai lầm, trong đó có sai lầm về bố trí cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý, phân phối lưu thông, cải tạo xã hội chủ nghĩa..., coi đó “là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện” [2, tr. 346, 360], “bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ của Đảng” [2, tr. 346, 360].

Đại hội Đảng VI đề ra ba Chương trình kinh tế lớn là lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, xem đó là mũi nhọn phát triển kinh tế trong thời kỳ đổi mới; đồng thời chủ trương kiên quyết

xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế quản lý mới, áp dụng những biện pháp kích thích sản xuất, mở rộng giao lưu hàng hoá, xóa bỏ tình trạng chia cắt thị trường; lập lại trật tự, kỷ cương; giữ ổn định chính trị - xã hội, từng bước cải thiện đời sống nhân dân.

Đại hội Đảng VI khẳng định, Việt Nam đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên CNXH, cần tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá XHCN, tiến hành đổi mới chính sách kinh tế gắn với đổi mới chính sách xã hội, coi sự tác động qua lại giữa hai loại chính sách này là nhân tố cơ bản bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân. Đây là lần đầu tiên trong quan niệm về CNXH, chính sách xã hội và mối tương quan của nó với chính sách kinh tế được đặt đúng tầm.

Đại hội Đảng VI còn nhấn mạnh vấn đề phải làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước, đẩy lùi và xóa bỏ các hiện tượng tiêu cực, làm lành mạnh các quan hệ xã hội; đổi mới quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ; thực hiện “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng VI, căn cứ vào tình hình thực tiễn, Đảng không ngừng tổng kết thực tiễn làm căn cứ để các hội nghị Trung ương tiếp tục bổ sung, hoàn thiện đường lối đổi mới đất nước.

Sau Đại hội Đảng VI, Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị tiếp tục bổ sung, phát triển, cụ thể hoá đường lối đổi mới, làm cho Nghị quyết Đại hội Đảng VI dần đi vào cuộc sống. Nghị quyết Trung ương 2 khóa VI (4-1987) về lưu thông phân phối, quyết định bỏ chính sách hai giá, thực hiện bốn giảm (giảm tốc độ lạm phát;

giảm nhịp độ tăng giá; giảm tốc độ bội chi ngân sách; giảm bớt khó khăn về đời sống của người ăn lương, của quân đội, công an, người về hưu, nhân dân lao động), tiếp tục xóa bỏ tình trạng “ngăn sông, cấm chợ”. Nghị quyết Trung ương 3 khóa VI (8-1987) quyết định chuyển hoạt động của các đơn vị công nghiệp quốc doanh sang kinh doanh XHCN, đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế, thực hiện tự chủ trong kinh doanh. Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 05 tháng 4 năm 1988 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, thực hiện việc khoán đến hộ (Khoán 10), tạo động lực mới thúc đẩy nông nghiệp phát triển nhanh, toàn diện.

Nhận rõ những nguy cơ từ cải tổ ngày càng theo hướng hữu khuynh ở Liên Xô, Đông Âu, Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (3-1989) đề ra sáu nguyên tắc đổi mới, trong đó nhấn mạnh: đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà là nhận thức đúng hơn và có phương pháp phù hợp hơn để xây dựng thành công CNXH; phải giữ vững định hướng XHCN, giữ vững sự lãnh đạo của Đảng; kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, kiên định nguyên tắc tập trung dân chủ, không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập,...

Đại hội Đảng VII (6-1991) thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Cùng với xác định rõ nội dung và tính chất của thời đại, Cương lĩnh làm nổi bật hai nội dung cơ bản: (1) quan niệm tổng quát nhất về xã hội XHCN mà chúng ta cần xây dựng; (2) những phương hướng cơ bản để xây dựng CNXH ở Việt Nam trong thời kỳ mới. Cương lĩnh chỉ rõ: xã hội XHCN mà Nhân dân ta xây dựng là một xã hội do Nhân dân lao động làm chủ; có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu

sản xuất chủ yếu; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; có mối quan hệ hữu nghị và hợp tác với Nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Để bảo đảm giữ vững định hướng XHCN trong quá trình đổi mới, phải kiên trì sự lãnh đạo của Đảng, kiên định và phát triển nền tảng tư tưởng, lý luận cách mạng và khoa học. Cương lĩnh khẳng định: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản”.

Cương lĩnh xác định Đảng lãnh đạo xã hội bằng Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể. “Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”. Phải xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có năng lực phẩm chất trong sạch, đủ sức gánh vác công việc của Đảng.

Những nội dung cơ bản của Cương lĩnh năm 1991 phản ánh rõ nhận thức mới

của Đảng về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

Đại hội Đảng VII còn khẳng định phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng XHCN; trong đó kinh tế quốc doanh là chủ đạo, kinh tế quốc doanh cùng kinh tế tập thể dần dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Đại hội chủ trương hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình. Đại hội VII của Đảng nêu rõ: Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Trước sự thay đổi nhanh chóng, mang tính bước ngoặt của tình hình thế giới, của phong trào cách mạng thế giới, Trung ương Đảng quyết định triệu tập Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (tháng 01-1994). Hội nghị tiếp tục phát triển và cụ thể hoá tư tưởng của Đại hội Đảng VII, xác định mục tiêu tổng quát của quá trình đổi mới nói riêng, quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam nói chung, là phấn đấu vì “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh” [2, tr. 346, 360]. Hội nghị cũng chỉ ra những nguy cơ mà đất nước phải vượt qua: tụt hậu ngày càng xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới; chênh hướng XHCN; tệ tham nhũng và quan liêu; “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch. Hội nghị đưa ra quan điểm về công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong thời kỳ mới; khẳng định xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân”, xem “phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt” [2, tr. 346, 360].

Đại hội VIII của Đảng (6-1996) khẳng định Việt Nam đã ra khỏi khủng hoảng

kinh tế - xã hội, tiếp tục làm rõ hơn quan niệm về chặng đường đầu tiên và chặng đường tiếp theo trong thời kỳ quá độ; chỉ rõ mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020. Đại hội cũng làm rõ hơn định hướng XHCN trong việc xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần; tiếp tục khẳng định xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, mang bản chất giai cấp công nhân, có tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc; tiếp tục khẳng định phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu, là khâu đột phá trong quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Nghị quyết Đại hội Đảng VIII và Nghị quyết các Hội nghị Trung ương khóa VIII đã tháo gỡ được nhiều khó khăn, nhưng đi vào thực tế, tình hình lại có những diễn biến phức tạp mới: thiên tai dồn dập diễn ra từ năm 1997 đến năm 1999 đã gây thiệt hại lớn đối với nhiều vùng của đất nước; cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực Đông Nam Á và một số nước trên thế giới đã tác động mạnh, làm cho kinh tế nước ta đứng trước những khó khăn mới. Trong bối cảnh đó, Hội nghị Trung ương 8 khóa VIII (tháng 11-1999) đã đánh giá đúng tình hình, xác định những chủ trương và giải pháp mới nhằm ổn định chính trị và tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội.

Đại hội Đảng IX (tháng 4-2001) là Đại hội mở đầu thế kỷ XXI ở Việt Nam. Đại hội đã nhìn lại một cách tổng quát quá trình cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX, kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII (1996-2000), 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (1991-2000), rút ra bốn bài học qua 15 năm đổi mới (1986-2000): *một là*, trong quá trình

đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. *Hai là*, đổi mới phải dựa vào Nhân dân, vì lợi ích của Nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo. *Ba là*, đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. *Bốn là*, đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới; định ra chiến lược phát triển đất nước trong hai thập niên đầu của thế kỷ XXI với phương hướng tổng quát là: phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Đại hội xác định mục tiêu chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” [2, tr. 346, 360] (điểm mới là có thêm từ “dân chủ”).

Đại hội Đảng IX đánh giá sâu sắc hơn, đầy đủ hơn, toàn diện hơn về vị trí, vai trò và nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đại hội nhấn mạnh tính khó khăn, phức tạp của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, cho nên tất yếu phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài, với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ; khẳng định phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát của cả thời kỳ quá độ.

Đại hội đã làm rõ vai trò động lực to lớn của đại đoàn kết toàn dân, của vấn đề dân chủ, của việc quan tâm tới lợi ích chính đáng của con người; chỉ ra nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp ở Việt Nam hiện nay: đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, chống nghèo nàn, lạc hậu, khắc phục tình trạng nước nghèo, chậm phát triển;

thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng XHCN, làm cho Việt Nam trở thành một nước XHCN phồn vinh.

Đại hội nâng đường lối đối ngoại lên mức cao hơn, toàn diện hơn: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển” [1, tr.119]. Đường lối này đã được cụ thể hoá trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khoá IX với cách nhìn nhận mới và thống nhất về các vấn đề đối tác và đối tượng, định hướng cho chính sách và hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn mới.

Từ thực tiễn có thể khẳng định rằng, sau Đại hội Đảng VI, các Đại hội Đảng VII (tháng 6-1991), Đại hội Đảng VIII (tháng 6-1996), Đại hội Đảng IX (tháng 4-2001) là những bước phát triển quan trọng, hoàn thiện đường lối đổi mới theo định hướng XHCN của Đảng. Đó là quá trình đổi mới từ thấp đến cao, từ đổi mới bộ phận, từng mặt đến đổi mới toàn diện, ngày càng đi vào chiều sâu. Đó là quá trình bổ sung, phát triển lý luận của Đảng về mô hình xã hội XHCN và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

Đại hội X của Đảng (tháng 4-2006) trên cơ sở tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới, khẳng định công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội XHCN và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam đã hình thành trên những nét căn bản. Văn kiện Đại hội X đã khái quát tám đặc trưng cơ bản

của xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng; tám phương hướng cơ bản để xây dựng CNXH. Đại hội X và các nghị quyết Trung ương khóa X đã đánh dấu một bước tiến quan trọng trong quá trình phát triển, hoàn thiện đường lối đổi mới của Đảng, đặc biệt Hội nghị Trung ương 6 khóa X đã ra Nghị quyết về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Đại hội Đảng XI (tháng 01-2011) đã bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991, làm rõ thêm tám đặc trưng cơ bản của xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng, tám phương hướng cơ bản và tám mối quan hệ lớn cần đặc biệt chú trọng nắm vững. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) đánh dấu một bước tiến quan trọng trong đường lối đổi mới của Đảng, trong nhận thức lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

Các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã thảo luận, ban hành nhiều nghị quyết, kết luận quan trọng về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế (Hội nghị Trung ương 3); về một số vấn đề cấp bách trong xây dựng Đảng hiện nay (Hội nghị Trung ương 4); một số vấn đề về tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020 (Hội nghị Trung ương 5); về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước (Hội nghị Trung ương 6); về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới (Hội nghị Trung ương 7); về tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới (Hội nghị trung ương 8); về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng

yêu cầu phát triển bền vững đất nước (Hội nghị Trung ương 9)... Các nghị quyết, kết luận của Trung ương khóa XI nêu trên là bước phát triển mới về nhận thức trên cơ sở tổng kết thực tiễn thực hiện đường lối đổi mới theo định hướng XHCN.

Trong nhiệm kỳ Đại hội XI, Đảng, Nhà nước đã tiến hành bổ sung, sửa đổi Hiến pháp năm 1992; Quốc hội đã thông qua Hiến pháp năm 2013, một văn kiện chính trị - pháp lý quan trọng của Nhà nước, sự thể chế hóa Cương lĩnh, quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng trong thời kỳ mới.

Đại hội XII của Đảng (tháng 1-2016) trên cơ sở tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới, khẳng định công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử; đồng thời cũng còn nhiều vấn đề lớn, phức tạp, nhiều hạn chế, yếu kém cần phải tập trung giải quyết, khắc phục để tiếp tục đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững hơn. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử qua 30 năm đổi mới khẳng định đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên CNXH của Việt Nam là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử. Thời kỳ mới đòi hỏi phải phát triển đất nước toàn diện, đồng bộ hơn về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; xây dựng văn hóa, con người làm nền tảng tinh thần; tăng cường quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH; tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, dự báo chính xác và kịp

thời có chủ trương, chính sách xử lý hiệu quả những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn, giải quyết tốt các mối quan hệ lớn phản ánh quy luật đổi mới và phát triển ở Việt Nam. Đó là quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng XHCN; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất; giữa nhà nước và thị trường; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ... Văn kiện Đại hội Đảng XII khẳng định phải tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức; hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN; quản lý phát triển xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu; bảo vệ vững chắc Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, dân chủ XHCN, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân; xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng... Như vậy, nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội XHCN và con đường đi lên CNXH ở

Việt Nam được bổ sung, phát triển ngày càng hoàn chỉnh hơn.

Các hội nghị Trung ương khóa XII, tiếp tục cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng XII làm sâu sắc hơn lý luận về mô hình xã hội XHCN và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam: Hội nghị Trung ương 4 ban hành ba nghị quyết: “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”; “Một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế” và “Thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”. Hội nghị Trung ương 5 ban hành ba nghị quyết: “Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN”; “Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN” và “Tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước”. Hội nghị Trung ương 6 ban hành bốn nghị quyết: “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; “Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”; “Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới” và “Công tác dân số trong tình hình mới”. Hội nghị Trung ương 7 ban hành ba nghị quyết: “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm

nhiệm vụ”; “Cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp” và “Cải cách chính sách bảo hiểm xã hội”. Hội nghị Trung ương 8 ban hành các nghị quyết: “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; “Quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên Ban Bí thư, ủy viên Ban Chấp hành Trung ương”...

3.2. Khái quát những thành tựu lý luận của Đảng về mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua gần 35 năm đổi mới đất nước

Một là, khẳng định và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng.

Dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Đảng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này tới thắng lợi khác. Càng đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, thực tiễn càng đòi hỏi sự phát triển không ngừng của lý luận, nhất là phương thức xử lý trước những vấn đề mới và chưa chín muồi. Xuất phát từ yêu cầu của công cuộc đổi mới, Đại hội VII của Đảng quyết định: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động” [3, tr.147]. Đây là vấn đề cực kỳ hệ trọng và có ý nghĩa hết sức to lớn đối với tiến trình đẩy mạnh công cuộc đổi mới và tiền đề cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới.

Đến Đại hội Đảng IX (4-2001), Đảng Cộng sản Việt Nam đã hình thành nhận thức đầy đủ hơn, toàn diện hơn về tư tưởng Hồ Chí Minh, mối quan hệ nội tại và

sức mạnh vô địch của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong tiến trình lãnh đạo thắng lợi công cuộc đổi mới đất nước.

Hai là, xác định định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam.

Qua gần 35 năm đổi mới, Đảng đã hoạch định về cơ bản định hướng XHCN trên những lĩnh vực chủ yếu của công cuộc đổi mới: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại... chỉ rõ những khía cạnh cần đề phòng nguy cơ chệch hướng XHCN trên con đường đi lên CNXH, trong bối cảnh mới của thời đại và đất nước. Luận điểm định hướng có tính chất then chốt là giữ vững vai trò lãnh đạo của một Đảng Cộng sản cầm quyền, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân; là lý thuyết về sự “phát triển rút ngắn” con đường quá độ “bỏ qua” chế độ tư bản chủ nghĩa lên CNXH ở Việt Nam một cách biện chứng và thực tế: từ định hướng, định tính tới định lượng và định kỳ với những nấc thang, nhịp độ, bước đi cụ thể, phù hợp. Có thể hình dung khái quát, định hướng XHCN là quá trình xác định những giới hạn, những “độ” tồn tại lịch sử của CNXH bắt đầu từ điểm xuất phát tới đích cuối cùng, với những hành trình, bước đi cụ thể và phù hợp... theo những tính quy luật và nguyên tắc XHCN mà nếu vượt ra ngoài những giới hạn, những “độ” ấy sẽ chệch hướng XHCN và tất yếu xuất hiện một chế độ xã hội khác với xã hội XHCN.

Đảng đã xác định định hướng XHCN trên từng lĩnh vực đời sống xã hội đất nước và ngày càng bổ sung thêm những nhận thức mới về vấn đề căn bản này. Từ mô hình CNXH với 6 đặc trưng (năm 1991) tới mô hình với 8 đặc trưng (năm 2006 và bổ sung, phát triển năm 2011) là bước tiến vượt

bậc trong xử lý mối quan hệ biện chứng giữa cái phổ biến và cái đặc thù về CNXH trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay của Đảng ta.

Ba là, phát kiến lý luận nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Bắt đầu công cuộc đổi mới (năm 1986), Đảng xác định: phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt. Với khâu đột phá là đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, công tác lý luận tập trung mọi cố gắng kiến giải, xác lập và nỗ lực góp phần thực thi nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, và đến Đại hội Đảng IX (4-2001) Đảng khẳng định: nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. Đó là một hình thái kinh tế thị trường vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc thể hiện bản chất của CNXH nhằm phục vụ lợi ích của Nhân dân lao động và toàn thể dân tộc Việt Nam. Đại hội XII của Đảng khẳng định “Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng XHCN phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” [5, tr.102].

Việc xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN không chỉ là vấn đề mang tính tất yếu của công cuộc đổi mới, mà còn là sự đúng đắn về nguyên tắc, quan điểm của Đảng, đồng thời là đòi hỏi

của thực tiễn đất nước với điểm xuất phát thấp đi lên CNXH như Việt Nam; không chỉ là nền móng bảo đảm độc lập, tự chủ về kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh mà còn là điều kiện căn bản và môi trường rộng mở tối ưu bảo đảm cho sự phát triển năng động, mạnh mẽ và bền vững của nền kinh tế gắn chặt với công bằng xã hội và vì mục tiêu tiến bộ xã hội, xét trên cả hai bình diện đối nội và hội nhập kinh tế quốc tế một cách chủ động, hiệu quả. Đó cũng là sự thể hiện ưu thế tuyệt đối của chế độ xã hội Việt Nam khi xem kinh tế thị trường chỉ là phương tiện, công cụ hữu hiệu để xây dựng CNXH nhằm phục vụ Nhân dân so với các chế độ xã hội khác cũng phát triển kinh tế thị trường.

Qua thực tiễn gần 35 năm đổi mới toàn diện đất nước khẳng định phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là hoàn toàn đúng đắn, là sự vận dụng sáng tạo của Đảng và là con đường, phương thức để xây dựng CNXH ở Việt Nam.

Bốn là, kiến tạo lý luận Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Lý luận về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của dân, do dân và vì dân là sự phát triển mới về nhận thức chính trị, về lý luận mô hình xã hội XHCN và con đường đi lên CNXH, và là một mục tiêu quyết định, một nội dung căn bản, một bước tiến lớn về thực tiễn của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, trước hết trên bình diện chính trị của Đảng.

Nhà nước pháp quyền XHCN mà chúng ta xây dựng phải giữ bản chất cách mạng, bản chất giai cấp, thực sự là công cụ hữu hiệu để thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân, với phương thức thực thi quản lý bằng pháp quyền, theo pháp luật; nêu cao vị trí, vai trò của pháp chế, yêu cầu mọi tổ chức, mọi công dân trong xã hội đều phải có

nghĩa vụ tôn trọng và tuân thủ luật pháp đi đôi với phát huy các giá trị đạo đức và văn hoá dân tộc.

Ở thời điểm hiện nay, mặc dù còn không ít khiếm khuyết, không ít hạn chế, song công tác lý luận đã phác thảo một cách vừa đại lược có tính căn bản sâu sắc vừa cụ thể có tính thực tiễn khả thi một hệ thống lý thuyết và nỗ lực tổ chức thực tiễn nhằm xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam: từ vị trí, vai trò, bản chất, chức năng, nhiệm vụ tới đặc trưng, nội dung, mô hình tổ chức quyền lực, đổi mới thể chế và cơ chế vận hành bộ máy nhà nước, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức và những điều kiện tiên quyết cần và đủ theo hướng căn cơ, hiện đại bảo đảm cho việc thực thi quyền lực của Nhà nước, tất cả nhằm phục vụ và bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phù hợp với điều kiện đất nước và xu thế phát triển của thời đại.

Năm là, nhận diện và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng; xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Trên nền tảng văn hoá truyền thống, kế thừa một cách chọn lọc những thành tựu đổi mới đất nước, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, Đảng đã từng bước xác lập được một hệ giá trị mới của nền văn hoá Việt Nam dân tộc, hiện đại, hoạch định chiến lược phát triển của văn hoá theo nghĩa rộng nhất của phạm trù này, với những lĩnh vực then chốt hợp thành chỉnh thể hữu cơ của nền văn hoá mới Việt Nam, với tư cách vừa là mục tiêu, vừa là nền tảng, vừa là động lực nhằm phát triển nhanh và bền vững đất nước, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2030 Việt Nam trở thành một nước công nghiệp, thuộc nhóm dẫn đầu

các nước có thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước công nghiệp phát triển hiện đại, theo định hướng XHCN. Vấn đề hết sức mới mẻ là, Đảng đã nhận thức một cách toàn diện, sâu sắc và đồng bộ tạo cho được sự phát triển hài hoà, gắn bó hữu cơ giữa kinh tế với văn hoá đáp ứng nhu cầu phát triển tất yếu của đất nước trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, dựa trên cả ba phương diện: cơ chế vận hành phù hợp, thiết chế không ngừng đổi mới và đội ngũ cán bộ thích ứng. Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện... Phát huy mạnh mẽ vai trò nền tảng của giá trị văn hóa, con người Việt Nam; coi con người là trung tâm, là chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển; phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; huy động mọi nguồn lực, phát triển đất nước nhanh và bền vững trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo...; xây dựng xã hội kỷ cương, công bằng; bảo đảm an toàn cho cuộc sống của người dân.

Sáu là, xây dựng lý luận mở cửa, hội nhập quốc tế.

Đảng đã chủ động xây dựng, từng bước bổ sung, ngày càng hoàn thiện một nền lý luận và đường lối đối ngoại Việt Nam của thời kỳ đất nước mở cửa, hội nhập quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hoá.

Với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hoá, đa phương hoá, sự vận động và phát triển của luận điểm có tính nguyên tắc chỉ đạo: từ “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển” [3, tr.49] (năm 1991) tới “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các

nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển” [1, tr.119] (năm 2001), và Việt Nam “là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế” [4, tr.236] trong thế “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế” [1, tr.123] (năm 2011) đã thể hiện một cách hết sức biện chứng và minh triết quan điểm, phương châm, nghệ thuật ngoại giao và khát vọng của Việt Nam trước cộng đồng quốc tế.

Bảy là, phát triển lý luận về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền.

Một trong những thành tựu lý luận nổi bật của gần 35 năm đổi mới là, Đảng đã từng bước làm rõ những vấn đề cơ bản về tính quy luật của Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền trong thời đại ngày nay.

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng hết sức chú trọng tổng kết những vấn đề cơ bản trên các phương diện lãnh đạo của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức bao trùm toàn bộ đời sống kinh tế xã hội đất nước trong công cuộc đổi mới. Đặc biệt, những bài học đổi mới do các Đại hội VI, VII, VIII của Đảng nêu lên đến nay vẫn còn nguyên giá trị, làm căn cứ để Đại hội IX, X, XI, XII của Đảng tiếp tục đúc kết những bài học quý báu. Có thể nói, đó là sự kết tinh tập trung, cụ thể và sinh động về mặt lý luận cầm quyền của Đảng.

Nhìn lại gần 35 năm đổi mới vừa qua, bước đầu có thể hình dung khái lược những thành tựu lý luận mới về vấn đề Đảng cầm quyền được thể hiện một cách tập trung trên 10 bình diện chủ yếu: (1) Quy luật cầm quyền; (2) Quan niệm cầm quyền; (3) Cơ sở cầm quyền; (4) Phương lược cầm quyền; (5) Nội dung cầm quyền; (6) Cơ chế cầm quyền; (7) Phương thức cầm quyền; (8) Nguồn lực cầm quyền; (9) Môi trường cầm quyền; và (10) Nguy cơ đối với cầm quyền.

Tám là, xác định và phát huy động lực to lớn của cách mạng Việt Nam.

Đảng khẳng định: “Kế thừa truyền thống quý báu của dân tộc, Đảng ta luôn luôn giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân. Đó là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội” [1, tr.123]. Đó là một bước tiến mới, một bổ sung mới trong nhận thức và hành động thực hiện đại đoàn kết toàn dân như một mục tiêu, một nhiệm vụ, một công tác hàng đầu, một đạo lý sống của dân tộc Việt Nam. Đó là sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay: “Đoàn kết làm ra sức mạnh”, “Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta”, “Là then chốt của thành công”, “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”.

Phương châm thực hiện là đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, người trong Đảng và người ngoài Đảng, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay ở nước ngoài; đoàn kết trên cơ sở những điểm tương đồng, trên tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau hướng tới tương lai; củng cố và phát triển sâu rộng khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trên cơ sở liên minh vững chắc giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đây là một sáng tạo lớn, một sự phát triển mới về lý luận của Đảng trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh.

Khẳng định và phát huy đại đoàn kết toàn dân tộc là “động lực chủ yếu” hợp thành hệ động lực gồm động lực kinh tế, động lực văn hoá... của sự nghiệp đổi mới là một nỗ lực lớn và mới của công tác lý luận.

4. Kết luận

Qua thực tiễn lãnh đạo sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, qua mỗi kỳ Đại hội Đảng đã từng bước hình thành, không ngừng bổ sung, hoàn thiện và phát triển đường lối đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng XHCN trên tất cả mọi phương diện. Đó cũng là quá trình hình thành, bổ sung, hoàn thiện từng bước lý luận về mô hình xã hội XHCN và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

Hiện nay, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang nỗ lực triển khai thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011), phấn đấu để thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng XII, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương khóa XII; đồng thời, đang tích cực tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.47, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.51, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

